

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29- 7- 2022

“V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhất.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thức
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai: Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 136/2022/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Xuân M, sinh năm 1962. Địa chỉ: Đường C, phường Phước T, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Mai Thị T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Đường S, tổ dân phố B, phường A, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đặng Xuân M và chị Mai Thị T tự nguyện về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn từ ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Trong quá trình sinh sống vì cuộc sống và hoàn cảnh công tác của hai người xa nhau và rất ít khi gặp nhau. Đồng thời, anh M nhận thấy quan điểm và tình cảm không hợp nhau, nên không thể tạo dựng hạnh phúc. Do đó, ngày 20 tháng 4 năm 2022 anh M và chị T đã chấp thuận ly hôn vì lý do để mỗi người đi theo hạnh phúc mới vì cả hai người không có ràng buộc nào về con chung, tài sản chung và các khoản nợ chung, nên anh M yêu cầu được ly hôn với chị T.

Vì điều kiện công việc, nên anh M có Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt và xét xử vắng mặt.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và M đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 10 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Trong thời gian sinh sống giữa hai vợ chồng chưa xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống bình yên. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh công việc chồng ở một nơi, vợ ở một nơi nên hai vợ chồng không khắc phục được những khuyết điểm nên dẫn đến tình trạng ly hôn. Chị T đồng ý ly hôn với anh M. Về con chung và tài sản chung: Không có.

Vì điều kiện công việc, nên chị T có Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt và xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải đối với các đương sự được.

Tại phiên tòa, các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh M và chị T chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 10 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua trình bày của anh M và chị T đã có cơ sở xác định: Trong quá trình chung sống hai người ít khi gặp nhau, vì hoàn cảnh công việc chồng ở một nơi, vợ ở một nơi nên hai vợ chồng không khắc phục được những khuyết điểm nên dẫn đến tình trạng ly hôn. Nay anh M yêu cầu được ly hôn với chị T, thì chị T đồng ý, nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa hai bên theo quy định Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh M phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Xuân M và chị Mai Thị T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Đặng Xuân M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà anh M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, theo biên lai số AA/2021/0018046 ngày 23 tháng 5 năm 2022.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã Buôn Hồ;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Bá Nhất